

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM QUA CÁCH TIẾP CẬN CỦA MÔ HÌNH TRỌNG LỰC

Ngô Thị Mỹ

*Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên
Email: khanhmy8888@gmail.com*

Trần Nhuận Kiên

*Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên
Email: tnkien@tueba.edu.vn*

Ngày nhận: 10/8/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/9/2016

Ngày duyệt đăng: 25/10/2016

Tóm tắt:

Sử dụng bộ số liệu trong giai đoạn 1997-2014, bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam bằng các phương pháp khác nhau như OLS, FEM và REM. Kết quả cho thấy, phương pháp ước lượng REM là phù hợp nhất đối với bộ số liệu và mô hình trọng lực sử dụng. Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam bao gồm: GDP của 2 nước, diện tích đất nông nghiệp, tỷ giá hối đoái, độ mở nền kinh tế và việc quốc gia nhập khẩu tham gia vào WTO hay APEC. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm đẩy mạnh xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Hiệu ứng ngẫu nhiên; nông sản; xuất khẩu; mô hình trọng lực; Việt Nam.

Determinants of Vietnam's exports of agricultural products: Approach of the gravity model

Abstract

Using an updated dataset of the period of 1997-2014, this paper focuses on analyzing the factors affecting Vietnam's agricultural exports using different estimating methods namely OLS, FEM and REM. According to the results, REM estimator proves to be the most suitable method for the dataset and the gravity model. The factors affecting Vietnam's agricultural exports include GDP of 2 countries, agricultural land, exchange rate, openness, and dummy variables of WTO and APEC. Based on these results, the author recommends policy implications to foster Vietnam's agricultural exports in the future.

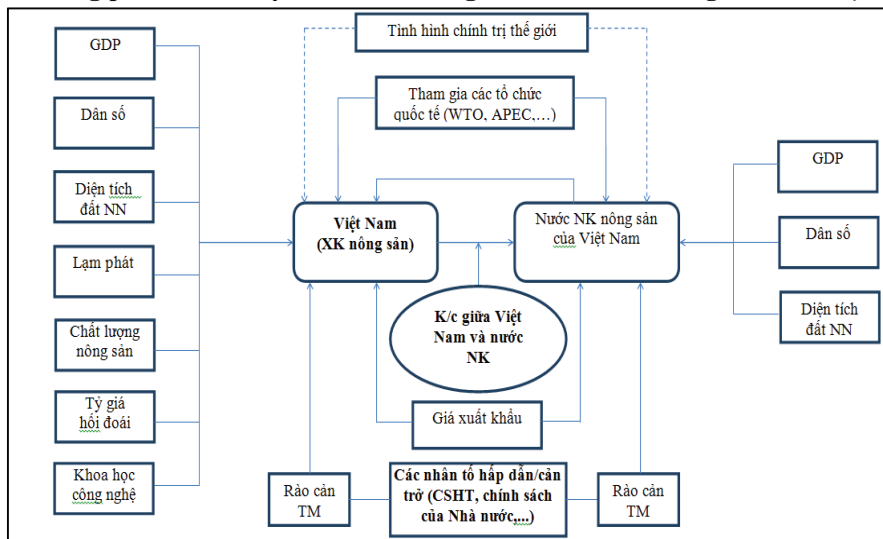
Keywords: REM; agricultural products; exports; gravity model; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, lý thuyết và thực nghiệm đã chứng minh rằng có rất nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông sản nói riêng. Do các nghiên cứu trước đây vẫn chưa đưa được tất cả các yếu tố ảnh hưởng vào phân tích nên đây chính là lý do cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện về vấn đề này.

Trên thế giới, đã có khá nhiều nghiên cứu tập trung làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản như Gbetnkom D. & Khan A. (2002), Erdem & Nazlioglu (2008), Folawewo & cộng sự (2010), Hatab & cộng sự (2010), Wei G. & cộng sự (2012),... Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường tập trung vào một hoặc một số mặt hàng nông sản cụ thể và kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số yếu tố ảnh

Hình 1: Khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam



—————> : Tác động trực tiếp

- - - - -> : Tác động gián tiếp

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

hưởng đến hoạt động xuất khẩu nông sản, song các yếu tố này lại không giống nhau giữa các quốc gia.

Trong hai thập kỷ qua, nông nghiệp Việt Nam có những bước tiến mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu lớn. Ở lĩnh vực xuất khẩu nông sản, Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành công đáng ghi nhận như tốc độ tăng trưởng về kim ngạch tương đối cao và ổn định, thị trường tiêu thụ nông sản ngày một mở rộng, chất lượng nông sản dần được cải thiện nhằm đáp ứng trình độ ngày cao của người tiêu dùng,... Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu (KNXX) nông sản của Việt Nam đã có nhiều biến động khá phức tạp trong những năm gần đây. Năm 2009, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 13,4 tỷ USD giảm 12,31% so với năm 2008. Năm 2013, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam là 22,3 tỷ USD (tăng 66,42% so với năm 2009) chiếm 1,43% thị phần nông sản của thế giới. Năm 2014, xuất khẩu nông sản của Việt Nam được đánh giá là khởi sắc hơn so năm 2013 song kim ngạch xuất khẩu nông sản chỉ đạt 22,5 tỷ USD (tăng 0,9% so với năm 2013) và chiếm 1,52% thị phần nông sản của thế giới (Worldbank, 2016). Để làm rõ nguyên nhân của biến động đó, bài viết sẽ sử dụng mô hình trọng lực nhằm xác định và phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chính đến kim ngạch xuất khẩu nông sản Việt Nam trong những năm qua.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khung phân tích

Xuất khẩu và nhập khẩu là hai hoạt động không

thể tách rời nhau để hình thành nên luồng thương mại quốc tế nói chung. Vì thế, khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của một quốc gia sẽ không đơn thuần chỉ nằm bên trong quốc gia đó mà còn liên quan trực tiếp đến quốc gia nhập khẩu. Trên cơ sở nghiên cứu của Đào Ngọc Tiến (2008) và một số tác giả như Gbetnkom D. & Khan A. (2002), Martinez-Zarzoso I. & Nowak-Lehmann (2003), Malhotra N. & Stoyanov A. (2008), Hatab & cộng sự (2010), Wei & cộng sự (2012),... kết hợp với điều kiện thực tế trong những năm qua ở Việt Nam, tác giả đi đến xây dựng khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam như trình bày trong Hình 1.

2.2. Mô hình phân tích

Bài viết sử dụng mô hình trọng lực để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong giai đoạn 1997-2014. Đây là mô hình được phát triển bởi Tinbergen (1962) và Linnemann (1966) dựa trên định luật trọng lực hấp dẫn. Cho đến nay, mô hình này được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực thương mại quốc tế với nhiều nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả như Anderson (1979), Bergstrand (1985), Erdem & Nazlioglu (2008), Hatab & cộng sự (2010),... Kế thừa các nghiên cứu trước đây, kết hợp với khung phân tích (Hình 1) mô hình trọng lực nhằm đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam được phát

triển như sau:

$$EXPORT_{ijt} = A \times GDP_i^{\beta_1} \times GDP_j^{\beta_2} \times (POP_i * POP_j)^{\beta_3} \times (LAN_i * LAN_j)^{\beta_4} \times INF_i^{\beta_5} \times DIS_j^{\beta_6} \times EDIS_{ijt}^{\beta_7} \times R_i^{\beta_8} \times OPEN_i^{\beta_9} \times e^{WTO_j^{\beta_{10}} * APEC_{ijt}^{\beta_{11}} * u_{ijt}}$$

Trong đó:

$EXPORT_{ijt}$: Kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tới nước j trong năm t ;

A: Hệ số hấp dẫn, cản trở thương mại của Việt Nam với nước j ;

GDP_{it} ; POP_{it} ; LAN_{it} ; $OPEN_{it}$: Lần lượt là GDP, dân số, diện tích đất nông nghiệp và độ mở nền kinh tế của Việt Nam trong năm t ;

GDP_{jt} ; POP_{jt} ; LAN_{jt} : Lần lượt là GDP, dân số và diện tích đất nông nghiệp nước j trong năm t ;

INF_{it} : Lạm phát của Việt Nam trong năm t ;

DIS_{ij} : Khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước j ;

$EDIS_{ijt}$: Khoảng cách về kinh tế giữa Việt Nam và nước j trong năm t (được đo bằng chênh lệch về GDP bình quân đầu người giữa 2 quốc gia - lấy giá trị tuyệt đối);

ER_{it} : Tỷ giá thực tế bình quân (VND/USD) trong năm t ;

WTO_{jt} : Là biến giả. Nhận giá trị 0 nếu nước nhập khẩu nông sản của Việt Nam chưa gia nhập WTO; nhận giá trị 1 nếu nước nhập khẩu nông sản của Việt Nam là thành viên của WTO trong năm t ;

$APEC_{ijt}$: Là biến giả, nhận giá trị 0 nếu Việt Nam và nước nhập khẩu nông sản không là thành viên của APEC trong năm t ; nhận giá trị 1 nếu Việt Nam và nước nhập khẩu nông sản đều là thành viên của

APEC trong năm t ;

β_i : là các hệ số hồi quy thể hiện mức độ tác động của yếu tố thứ i trong mô hình;

u_{ijt} : Sai số ngẫu nhiên;

Trong mô hình nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để ước lượng. Tuy nhiên, do các quan sát ở đây là dữ liệu bảng cho nên các mô hình hiệu ứng cố định (Fixed Effects Model - FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM) cũng được đề xuất sử dụng để phân tích. Nếu như phương pháp OLS xem tất cả các hệ số đều không thay đổi trong điều kiện không gian và thời gian khác nhau, mô hình FEM sẽ loại bỏ những biến có giá trị không thay đổi theo thời gian một cách mặc nhiên thì mô hình REM lại giả định rằng không có sự tương quan giữa biến độc lập (biến giải thích) và sai số. Sau khi có kết quả sẽ tiến hành lần lượt các kiểm định khác nhau sau để lựa chọn mô hình phù hợp nhất.

2.3. Dữ liệu phân tích

Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu hỗn hợp của 97 quốc gia đã và đang nhập khẩu nông sản của Việt Nam trong giai đoạn 1997- 2014. Các dữ liệu này được thu thập từ các tổ chức uy tín trên thế giới và trong nước, cụ thể như bảng 1.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát về tình hình xuất khẩu nông sản của Việt Nam

Về kim ngạch xuất khẩu

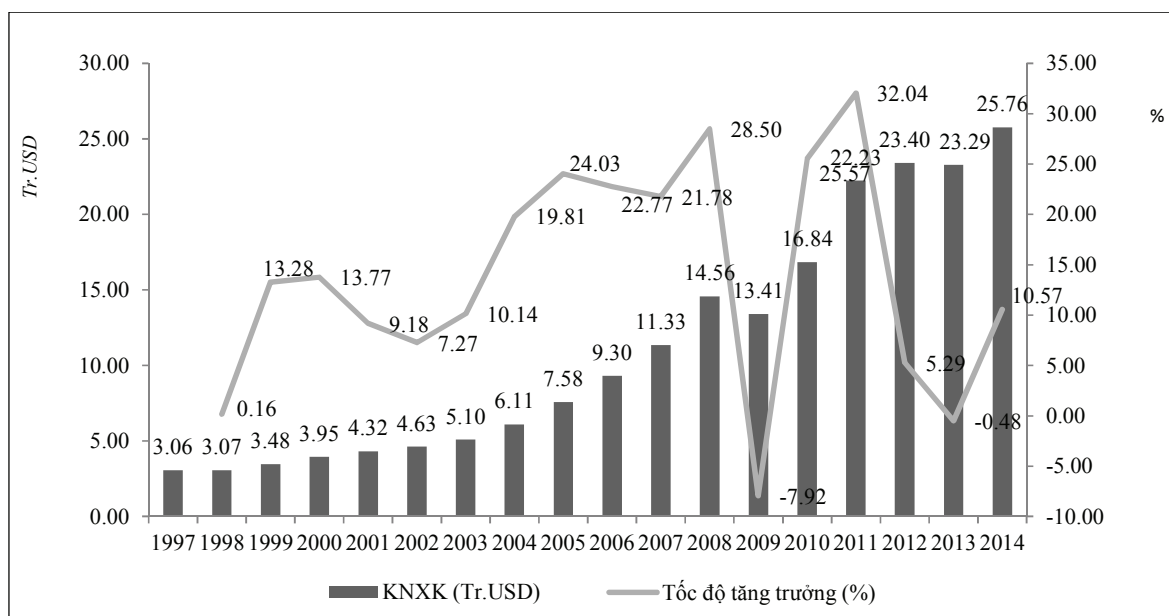
Xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 1997- 2014 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Mặc dù có nhiều biến động khá phức tạp song kim ngạch

Bảng 1: Nguồn số liệu của các biến được sử dụng trong mô hình trọng lực hấp dẫn

Tên biến	Nguồn số liệu sử dụng
EXPORT (Kim ngạch xuất khẩu)	World Bank (2015a)
GDP (Tổng sản phẩm quốc nội)	World Bank (2015b)
POP (Dân số)	World Bank (2015b)
LAN (Diện tích đất nông nghiệp)	World Bank (2015b)
INF (Lạm phát)	www.imf.org
ER (Tỷ giá hối đoái)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
DIS (Khoảng cách về địa lý)	www.freemaptools.com
EDIS (Khoảng cách về kinh tế)	World Bank (2015b)
OPEN (Độ mở của nền kinh tế)	World Bank (2015a)
WTO (Biến giả WTO)	www.wto.org
APEC (Biến giả APEC)	www.apec.org

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Hình 2: Kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 1997-2014



Nguồn: Worldbank và tính toán của tác giả, 2016

xuất khẩu nông sản của Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng khá cao trong giai đoạn 1997-2014.

Hình 2 cho thấy, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt tốc độ tăng trưởng khá cao vào cuối những năm 90 và đầu năm 2000. Đây là thời kỳ đầu của quá trình hội nhập và kết quả này có được từ các chính sách mở cửa phù hợp kết hợp với việc phát huy những lợi thế so sánh của đất nước. Với đà tăng trưởng sẵn có đã làm cho kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam liên tục có sự tăng lên trong những năm tiếp theo ngoại trừ năm 2009 và năm 2013. Năm 2009, với cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra trên phạm vi toàn cầu và năm 2013, với những biến động phức

tạp của thị trường tài chính, dầu mỏ tại một số quốc gia lớn đã ảnh hưởng lớn đến thị trường nông sản thế giới nói chung và xuất khẩu nông sản của Việt Nam nói riêng (kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tăng trưởng âm). Điều này cho thấy, khi Việt Nam càng hội nhập sâu thì xuất khẩu nông sản của Việt Nam sẽ càng dễ bị tổn thương trước những biến động của thị trường thế giới.

Về thị phần xuất khẩu

Nông sản Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế trên thị trường nông sản thế giới bằng việc nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã cũng như đảm bảo

Bảng 2: Thị phần xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 1997-2014

Năm	KNXK nông sản (Tỷ USD)		Thị phần nông sản của Việt Nam trên thị trường Thế giới (%)
	Thế giới	Việt Nam	
1997	566,278	3,063	0,54
2000	523,361	3,952	0,76
2005	808,832	7,575	0,94
2010	1297,366	16,832	1,30
2011	1590,087	22,227	1,40
2012	1581,284	23,400	1,48
2013	1630,061	23,288	1,43
2014	1688,945	25,755	1,52
TTBQ*(%)	6,64	13,34	-

Ghi chú: * Tăng trưởng bình quân

sức cung ổn định cho các nước nhập khẩu. Thêm vào đó, chính sách đa dạng hóa thị trường xuất khẩu đã giúp nông sản của Việt Nam có điều kiện tiếp cận và phát huy ưu thế tại những thị trường “khó tính”. Bảng 2 cho thấy thị phần xuất khẩu nông sản của Việt Nam trên thế giới trong giai đoạn 1997-2014.

Bảng 2 cho thấy thị phần nông sản của Việt Nam so với thế giới đang tăng lên trong giai đoạn 1997-2014. Năm 1997, thị phần nông sản Việt Nam chiếm 0,54% thị trường thế giới tương ứng với 3,063 tỷ USD; tỷ lệ này đã tăng lên lần lượt là 0,94% và 1,3% vào năm 2005 và năm 2010, đạt 1,52% vào năm 2014 tương ứng với 25,755 tỷ USD. Như vậy, thị phần nông sản Việt Nam đã tăng khá nhanh và đều trong giai đoạn 1997-2010. Giai đoạn 2011-2014, do chịu ảnh hưởng lớn từ nền kinh tế toàn cầu, thị phần nông sản của Việt Nam có lúc tăng, lúc giảm phức tạp. So sánh tốc độ tăng trưởng bình quân về kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam với Thế giới (tăng trưởng của Việt Nam là 13,34%, tăng trưởng của Thế giới là 6,64%) cho thấy tốc độ tăng trưởng của Việt Nam gấp hơn 2 lần

tốc độ tăng trưởng của Thế giới.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam

Kết quả hồi quy sử dụng 4 phương pháp ước lượng là OLS, FEM, REM và REM với sai số chuẩn mạnh cho 1552 quan sát được trình bày cụ thể tại Bảng 3.

Đối với bộ dữ liệu bảng, mô hình OLS xây ra hiện tượng tự tương quan làm cho các hệ số hồi quy của các biến giải thích không chính xác và kiểm định Wald cho giá trị P-value = 0,000 < 0,05. Như vậy, mô hình OLS sẽ được thay thế bởi mô hình FEM hoặc REM. Bằng phương pháp kiểm định Hausman có được giá trị P-value = 0,9913 > 0,05 nên lựa chọn REM. Điều này có nghĩa sai số ngẫu nhiên và các biến độc lập trong mô hình không có sự tương quan với nhau. Tuy nhiên, trong mô hình REM đã xảy ra hiện tượng phương sai của sai số thay đổi (với P-value < 0,05). Nếu sử dụng mô hình này, vẫn có thể cho hệ số ước lượng tin cậy nhưng các sai số chuẩn của hệ số hồi quy không còn là nhỏ nhất.

Bảng 3: Kết quả đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam bằng các phương pháp ước lượng khác nhau

Biến độc lập	PP hồi quy			
	OLS	FEM	REM	REM với sai số chuẩn mạnh
Hệ số chặn	-8,656*** (-3,48)	-53,276*** (-3,41)	-8,91*** (-4,07)	-8,91* (-4,15)
LnGDP _{it}	0,368 (1,20)	0,394* (1,51)	0,537** (2,28)	0,537** (2,39)
LnGDP _{jt}	0,230*** (3,38)	0,207* (1,36)	0,270*** (3,37)	0,270** (2,46)
Ln(POP _{it} *POP _{jt})	0,489*** (9,85)	2,709*** (5,27)	0,586*** (4,43)	0,586* (3,4)
Ln(LAN _{it} *LAN _{jt})	-2,202** (-6,04)	2,193 (1,24)	-0,204** (-2,21)	-0,204** (-2,02)
LnINF _{it}	-0,051 (-0,50)	-0,023 (-0,91)	-0,019 (-0,74)	-0,019 (-0,57)
LnDIS _{ij}	-0,756*** (-11,41)	-	-0,756*** (-4,06)	-0,756* (-3,9)
LnEDIS _{ijt}	0,380*** (10,44)	0,059 (0,83)	0,170** (2,80)	0,170*** (1,65)
LnER _{it}	1,477** (1,97)	0,869* (1,36)	1,209** (2,00)	1,209*** (1,81)
LnOPEN _{it}	2,715*** (3,55)	2,617*** (4,58)	2,560*** (4,82)	2,560* (5,13)
WTO _{jt}	-0,064 (-1,32)	0,409*** (4,59)	0,226** (2,96)	0,226*** (1,82)
APEC _{ijt}	0,279*** (5,38)	-	0,276* (1,89)	0,276*** (1,7)
Hệ số xác định bội hiệu chỉnh (R^2)	0,63	0,56	0,55	0,55
Giá trị kiểm định	F = 237,32	F = 200,72	Wald = 941,7	Wald = 601,49

Ghi chú: *, **, ***: Tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 10%, 5%, 1%; Các giá trị trong dấu ngoặc đơn () là t hoặc z kiểm định

Nguồn: Tổng hợp của tác giả phần mềm Stata

Điều đó sẽ làm các giá trị thống kê z giảm ý nghĩa thống kê. Để khắc phục hiện tượng này, có thể dùng phương pháp hồi quy với sai số chuẩn mạnh (Robust Standard Error). Kết quả hồi quy của REM với sai số chuẩn mạnh cho nông sản được thể hiện cụ thể tại Bảng 3.

Từ kết quả hồi quy trong Bảng 3 cho thấy, có đến 55% sự thay đổi kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam là do các yếu tố có trong mô hình quyết định.

Biến GDP (GDP_{it} và GDP_{jt}) có tác động cùng chiều với kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Cụ thể, cứ 1% tăng lên của GDP của Việt Nam và GDP nước nhập khẩu sẽ làm kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tăng bình quân lần lượt là 0,537% và 0,270%. Như vậy, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam chịu sự tác động của quy mô nền kinh tế của cả nước nhập khẩu nông sản cũng như bản thân nước xuất khẩu nông sản (Việt Nam). Kết quả này cho thấy sự phù hợp với kết quả của một số nghiên cứu trước đây.

Biến dân số gộp ($POP_{it} * POP_{jt}$) có hệ số mang dấu dương có nghĩa tích số giữa dân số Việt Nam với dân số nước nhập khẩu nông sản có tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Điều này đồng nghĩa với khi dân số của Việt Nam và nước nhập khẩu ($POP_{it} * POP_{jt}$) tăng 1% sẽ làm kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tăng bình quân 0,586%.

Hệ số của biến diện tích đất nông nghiệp ($LAN_{it} * LAN_{jt}$) mang dấu âm thể hiện tác động ngược chiều đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Ở đây có thể hiểu, khi tích số giữa diện tích đất nông nghiệp của nước xuất khẩu và Việt Nam (chủ yếu là diện tích của nước xuất khẩu) tăng lên tức là nước nhập khẩu có điều kiện hơn để phát triển sản xuất nông nghiệp. Khi đó, nước xuất khẩu sẽ giảm lượng nông sản nhập khẩu từ Việt Nam dẫn đến kim ngạch xuất khẩu nông sản giảm xuống. Mặc dù kết quả không đúng như giả thuyết đã đưa ra song vẫn có thể chấp nhận được. Bởi thực tế ở Việt Nam hiện nay, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ làm cho diện tích đất nông nghiệp giảm xuống. Do đó, nếu biến diện tích đất nông nghiệp gộp 2 quốc gia tăng lên cũng chính là diện tích đất nông nghiệp của nước nhập khẩu tăng làm cho kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam giảm xuống.

Biến khoảng cách địa lý (DIS_{ij}) giữa Việt Nam với nước nhập khẩu nông sản cũng có tác động ngược chiều đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của

Việt Nam. Điều này là phù hợp cả về lý luận và thực tiễn với hàng hóa nói chung và mặt hàng nông sản nói riêng. Bởi khoảng cách càng xa sẽ khiến cho quá trình vận chuyển hàng nông sản gặp khó khăn gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất và nhập khẩu của các quốc gia. Vì thế, khi khoảng cách từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu càng lớn thì kim ngạch xuất khẩu sẽ càng giảm. Kết quả này hoàn toàn giống với kết quả của các nghiên cứu trước đây.

Biến khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa Việt Nam và nước nhập khẩu ($EDIS_{ijt}$) có tác động cùng chiều với kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Kết quả tính toán cho thấy khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa hai nước càng nhỏ (tức là sự tương đồng càng lớn) sẽ khiến cho việc trao đổi hàng hóa nói chung và xuất khẩu nói riêng được thuận tiện hơn, khi đó sẽ làm tăng kim ngạch cho nước xuất khẩu phù hợp với giả thuyết đã đưa ra. Trong các nghiên cứu trước đây, xu thế tác động chủ yếu của biến này là cùng chiều, song cũng có trường hợp ngược chiều với kim ngạch xuất khẩu nông sản. Như vậy, khi nghiên cứu ở Việt Nam xu hướng tác động cùng chiều của biến này, về cơ bản là phù hợp với các nghiên cứu đã được thực hiện.

Biến tỷ giá hối đoái (ER_{it}) tác động theo chiều hướng tích cực với kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam - phù hợp với giả thuyết đã đưa ra. Cụ thể, tỷ giá hối đoái tăng 1% sẽ làm kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tăng bình quân 1,209%. Điều này có nghĩa giá nông sản xuất khẩu của Việt Nam hiện đang chịu tác động lớn bởi giá của đồng tiền chung (USD). Tuy nhiên, kết quả này ngược lại so với các nghiên cứu trước đây là bởi sự cạnh tranh quyết liệt của các quốc gia cùng xuất khẩu mặt hàng này trong quá trình toàn cầu hóa.

Biến độ mở nền kinh tế của Việt Nam ($OPEN_{it}$) cũng có tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Trên thực tế khi một quốc gia có độ mở càng cao cũng có nghĩa cơ hội để trao đổi hàng hóa với các quốc gia khác sẽ càng lớn. Kết quả cho thấy khi độ mở nền kinh tế Việt Nam tăng lên 1% sẽ làm kim ngạch xuất khẩu nông sản bình quân của Việt Nam tăng 2,56%. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây và đúng với thực tiễn những năm đầu tham gia hội nhập của Việt Nam.

Biến giả về gia nhập WTO của nước nhập khẩu (WTO_{jt}) đã thể hiện tác động tích cực với kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Điều này có nghĩa việc nước nhập khẩu là thành viên của WTO đã làm

tăng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Cuối cùng là biến APEC (APEC_{ij}) cho thấy tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Kết quả chỉ ra nếu 2 nước (Việt Nam và nước nhập khẩu) cùng là thành viên của APEC thì hoạt động xuất khẩu nông sản sẽ diễn ra thuận lợi hơn so với trường hợp 2 nước không cùng là thành viên của APEC.

Như vậy, tác động đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam có nhiều yếu tố khác nhau. Về cơ bản, kết quả tính toán được trong nghiên cứu này đều phù hợp cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn hiện nay.

4. Kết luận

Kết quả phân tích trên cho thấy, nông sản luôn là mặt hàng có thế mạnh trong xuất khẩu của Việt Nam. Điều này được minh chứng thông qua một số kết quả đã đạt được về kim ngạch, sản lượng và vị thế của nông sản Việt Nam trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, với xu thế hội nhập ngày một sâu

và mạnh như hiện nay thì nông sản Việt Nam đang đứng trước một số khó khăn lớn về chất lượng nông sản, khả năng cạnh tranh, khả năng vượt qua các rào cản phi thuế quan tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ,... Trong thời gian tới, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu nông sản của Việt Nam, bên cạnh việc phát huy các yếu tố tích cực đã được phân tích trong mô hình trọng lực, Nhà nước cần thực hiện một số chính sách cụ thể như: (i) chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng lựa chọn một số mặt hàng có thế mạnh để xây dựng thương hiệu nhằm tạo ra sự bứt phá về sản lượng, chất lượng tốt, đáp ứng an toàn vệ sinh thực phẩm và có giá bán cạnh tranh; (ii) cần có sự quan tâm đầu tư một cách toàn diện từ khâu sản xuất đến tiêu thụ nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh cho nông sản Việt Nam trước các đối thủ lớn; (iii) tăng cường công tác thông tin thị trường, tích cực xây dựng hình ảnh cho nông sản Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu thông qua chất lượng và uy tín của sản phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Anderson J. E. (1979), 'A Theoretical for the Gravity Equation', *The American Economic Review*, 69(1), 106-116.
- Bergstrand J. H. (1985), 'The Gravity Equation in International Trade: Some Microeconomic Foundations and Empirical Evidence', *The Review of Economics and Statistics*, 67(3), 474-481.
- Đào Ngọc Tiến (2008), 'Các nhân tố ảnh hưởng đến luồng xuất khẩu của Việt Nam và hàm ý chính sách trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu', Hội thảo Nghiên cứu về chính sách thương mại quốc tế, Trường Đại học Ngoại Thương.
- Erdem, E & S. Nazlioglu (2008), *Gravity model of Turkish Agricultural Exports to the European Union*, International Trade and Finance Association, Working papers 2008 No. 21.
- Folawewo, Abiodun O. & Olakojo A. S. (2010), 'Determinants of Agricultural Exports in Oil Exporting Economy: Empirical Evidence from Nigeria', *Journal of Economic Theory* 4(4), 84-92.
- Gbetnkom D. & Khan A. (2002), *Determinants of Agricultural exports: The case of Cameroon*, African economic research consortium, Cameroon.
- Hatab, Abu, Romstad & Huo X. (2010), 'Determinants of Egyptian Agricultural Exports: A Gravity Model Approach', *Modern Economy*, 1, 134-143.
- Linnemann H. (1966), *An Econometric Study of International Trade Flows*, Amsterdam, North-Holland.
- Malhotra N. & Stoyanov A. (2008), *Analyzing the Agricultural Trade Impacts of the Canada-Chile Free Trade Agreement*, CATPRN Working Paper.
- Martinez-Zarzoso I. & Nowak-Lehmann (2003), 'Gravity Model: An Application to Trade between Regional Blocs', *Atlantic Economic Journal* 31(2), 174-187.
- Tinbergen J. (1962), *Shaping the World Economy: Suggestions for an International Economy Policy*, New York: The Twentieth Century Fund.
- Wei G., Huang J. & Yang J. (2012), 'The impacts of food safety standards on China's tea export', *China Economic Review*, 21(2), 253-264.
- World Bank (2015a), *World Bank Integrated Trade Solution (WITS)*, <http://wits.worldbank.org/WITS/>, truy cập ngày 11/9/2015.
- World Bank (2015b), *World Development Indicators*, <http://data.worldbank.org/indicator>, truy cập ngày 16/9/2015.
- World Bank (2016), *World Bank Integrated Trade Solution (WITS)*, <http://wits.worldbank.org/WITS/>, truy cập ngày 20/9/2016.